

Số: 51 /2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2749/TTr-SKHCN ngày 30 tháng 3 năm 2026 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2354/BC-STP ngày 10 tháng 3 năm 2026.

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định quy định về phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp thẩm quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết một số nhiệm vụ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định từ Điều 4 đến Điều 14 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến các nội dung được quy định tại Điều 4 đến Điều 14 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nội dung phân cấp

Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực khoa học và công nghệ như sau:

1. Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Luật Viễn thông;

2. Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Luật Viễn thông;

3. Yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Luật Viễn thông;

4. Ghi nhận tổ chức đáp ứng điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 156 Luật Sở hữu trí tuệ;

5. Ghi nhận cá nhân đáp ứng điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 156 Luật Sở hữu trí tuệ;

6. Xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 156 Luật Sở hữu trí tuệ (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 62 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022);

7. Xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 156 Luật Sở hữu trí tuệ (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 62 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022);

8. Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 145 và khoản 1 Điều 147 Luật Sở hữu trí tuệ (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 58 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022);

9. Xử lý đơn đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Sở hữu trí tuệ (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2019);

10. Chấp thuận chuyển giao công nghệ quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Chuyển giao công nghệ;

11. Cấp giấy phép chuyển giao công nghệ quy định tại khoản 5 Điều 30 Luật Chuyển giao công nghệ;

12. Cho phép thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài trên phạm vi địa bàn tỉnh quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Luật Khoa học và Công nghệ;

13. Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài trên địa bàn tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật Khoa học và Công nghệ;

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố

Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp, bảo đảm các nội dung phân cấp được thực hiện hiệu lực, hiệu quả; chịu trách

nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp trong trường hợp không bảo đảm điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

2. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo nội dung được phân cấp quy định tại Điều 2 Quyết định này. Việc thực hiện các công việc được phân cấp phải tuân thủ quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan đến lĩnh vực được phân cấp và phù hợp với quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân Thành phố việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp. Không được phân cấp tiếp nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được phân cấp.

c) Được sử dụng con dấu của Sở Khoa học và Công nghệ trong quá trình thực hiện nội dung được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp.

d) Chuẩn bị các nguồn lực cần thiết để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp tại Điều 2 Quyết định này.

đ) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố công bố, công khai thủ tục hành chính có thay đổi, điều chỉnh theo quy định về kiểm soát thủ tục hành chính; rà soát, điều chỉnh và trình phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

e) Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện phân cấp. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc thì kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để xin ý kiến chỉ đạo.

3. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Sở Nội vụ thực hiện theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, đánh giá việc thực hiện phân cấp theo quy định.

4. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán của Sở Khoa học và Công nghệ và khả năng cân đối ngân sách hàng năm, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2026 đến ngày 28 tháng 02 năm 2027 trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 75 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.

2. Bãi bỏ Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền thực hiện một số nội dung thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn Thành phố.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Thành phố;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ VN Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành của Thành phố;
- VPUB: các PCVP;
- Trung tâm thông tin điện tử Thành phố;
- Phòng VX;
- Lưu: VT, VX/VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Cường